

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3562 /TTr - UBND

Triệu Sơn, ngày 15 tháng 12 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh, bổ sung công trình: Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn; Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 06/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn;

UBND huyện Triệu Sơn trình Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh, bổ sung công trình: Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án:

Công trình Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 06/6/2015 với tổng dự toán công trình là **32.793.000.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	26.066.016.000 đồng;
- Chi phí QLDA:	448.037.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.008.971.000 đồng;
- Chi phí khác:	646.007.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.623.969.000 đồng.

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng; vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Đến nay, dự án đang triển khai thi công xây dựng.

2. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục cho phù hợp với thực tế công trình.

3. Nội dung và giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung.

3.1. Nội dung thiết kế điều chỉnh, bổ sung.

3.1.1. Xử lý mặt đường bị sình lún.

Các đoạn Km0+60-Km0+70; Km1+290-Km1+300; Km1+390-Km1+400; Km1+490-Km1+510; Km1+570-Km1+585; Km1+780-Km1+Km1+810; Km1+890-Km1+910; Km2+110-Km2+130; Km2+330-Km2+335; Km2+820-Km2+835; Km2+950-Km2+960; Km2+975-Km2+990; Km3+850-Km3+870; Km4+507-Km4+538; Km4+538-km4+579; Km8+165-Km8+227

3.1.2. Bổ sung rãnh xây hình thang tại lý trình km0+668.93-Km0+703.70.

3.1.3. Bổ sung gia cố mái taluy trái tuyến nền đường.

Bổ sung gia cố mái taluy đoạn: Km0+800-Km0+825 (phải tuyến); Km4+618.41-Km4+636.82 (Phải tuyến).

3.1.4. Điều chỉnh các vị trí cống chưa hợp lý trên tuyến.

3.1.5. Điều chỉnh đường ngang tại cọc TĐ11 km0+923.79.

3.1.6. Bổ sung rãnh rãnh chịu lực tại các vị trí đường ngang đang còn thiếu.

3.1.7. Bổ sung rãnh đá hộc xây hình thang trái tuyến các đoạn Km0+12.27-Km0+151.45; Km0+800-Km0+840; Km2+00-Km2+40; Km2+853.50-Km3+00; km2+540-Km2+642; Km2+700-km2+784; phải tuyến Km0+12.27-Km0+151.45; km0+250-km0+390.83; km0+600-km0+700; Km5+307-Km5+577.52; Km5+307-Km5+577.52; Km7+135.15-Km7+153.97; Km7+157.97-Km7+314.

3.1.8. Điều chỉnh rãnh đá hộc xây thành rãnh hở xây gạch phải tuyến: Đoạn Km1+284-Km1+581.10 (phải tuyến).

3.1.9. Bổ sung tường cánh phía nhà dân tại lý trình Km5+965.

3.1.10. Điều chỉnh mặt đường đoạn Km7+20.96-Km7+83.74.

3.1.11. Điều chỉnh lại rãnh hình thang thành hình vuông tại lý trình Km8+535.11-Km8+596.79 (trái+phải).

3.2. Giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung.

3.2.1. Xử lý nền yếu đoạn Các đoạn:

Km0+60-Km0+70; Km1+290-Km1+300; Km1+390-Km1+400; Km1+490-Km1+510; Km1+570-Km1+585; Km1+780-Km1+Km1+810; Km1+890-Km1+910; Km2+110-Km2+130; Km2+330-Km2+335; Km2+820-Km2+835; Km2+950-Km2+960; Km2+975-Km2+990; Km3+850-Km3+870; Km4+507-Km4+538; Km4+538-km4+579; Km8+165-Km8+227.

Đoạn này nền đường đi qua khu vực địa chất yếu, có mực nước ngầm cao. Trong quá trình thi công xe chở vật liệu có tải trọng lớn đi qua nhiều, đã làm nền đường bị hỏng, đoạn từ Km0+60-Km0+70; Km1+290-Km1+300; Km1+390-Km1+400; Km1+490-Km1+510; Km1+570-Km1+585; Km1+780-Km1+Km1+810;

Km1+890-Km1+910; Km2+110-Km2+130; Km2+330-Km2+335; Km2+820-Km2+835; Km2+950-Km2+960; Km2+975-Km2+990; Km3+850-Km3+870; Km8+200-Km8+251.87, đào bỏ lớp đất yếu thay đất khác lu lèn K95 hoàn trả lại nền đường.

3.2.2. Gia cố mái taluy trái tuyến nền đường.

- Đoạn Km0+800-Km0+825 (phải tuyến) bên phải tuyến là Ao hồ trong quá trình thi công nền đường tại vị trí này bị sạt vì vậy thiết kế bổ sung gia cố mái đá học xây VXM M100 dày 0,3m, chân khay cắm sâu 1,0m, rộng chân khay mặt trên 0,5m dưới 0,7m. Toàn bộ mái và chân khay đặt trên đá dăm đệm dày 0,1m.

- Đoạn Km4+618.41-Km4+636.82 (Phải tuyến) là suối trong quá trình thi công nền đường tại vị trí này bị sạt vì vậy thiết kế bổ sung gia cố mái đá học xây VXM M100 dày 0,3m, chân khay cắm sâu 1,0m bằng bê tông xi măng, rộng chân khay mặt trên 0,5m dưới 0,7m. Toàn bộ mái và chân khay đặt trên đá dăm đệm dày 0,1m.

3.2.3. Điều chỉnh các vị trí công trên tuyến.

- Tại lý trình cống Km0+668.93 bên phải tuyến theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đang là tường cánh và bên phải tuyến là đường ngang ngay vị trí cống do vậy kéo dài cống thêm 2m và chuyển đổi tường cánh thành hồ thu đảm bảo thoát nước cũng như an toàn giao thông trên tuyến.

- Tại lý trình cống Km1+591.10 bên trái tuyến theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đang là tường cánh, bên thượng lưu vườn nhà dân thiết kế chuyển đổi tường cánh thành hồ thu đảm bảo thoát nước.

- Tại lý trình cống Km1+186.18 bên trái tuyến theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đang là tường cánh, bên thượng lưu vườn nhà dân thiết kế chuyển đổi tường cánh thành hồ thu đảm bảo thoát nước.

- Tại lý trình cống Km1+186.18 bên phải tuyến theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đang là tường cánh, bên thượng lưu vườn nhà dân thiết kế chuyển đổi tường cánh thành hồ thu đảm bảo thoát nước.

- Tại lý trình cống Km7+20.96 bên phải tuyến và bên trái tuyến theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đang là tường cánh, thiết kế chuyển đổi tường cánh thành hồ thu đảm bảo thoát nước.

Toàn bộ móng cống, thân cống, tường cánh, sân thượng hạ lưu bằng bê tông M200, mũ mố BTCT M250, bản BTCT M250 lắp ghép, lớp phủ bản BT 30MPa dày 6cm, móng đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm.

3.2.4. Điều chỉnh đường ngang tại cọc TĐ11 Km0+923.79 (Trái tuyến)

Tại lý trình đường ngang trái tuyến Km0+923.79m. Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đường ngang có tổng chiều dài $L=29.75m$, theo thực tế nền mặt đường hiện tại là đường đất đến vị trí cầu chiều dài $L=65m$ đến mặt đường Bê tông do vậy thiết kế điều chỉnh bổ sung đường ngang $L=65m$.

3.2.5. Bổ sung rãnh rãnh chịu lực tại các vị trí đường ngang đang còn thiếu:

Tại các vị trí đường ngang hiện chưa có rãnh chịu lực Km0+657 (phải tuyến); Km0+950 (trái tuyến); Km1+320 (trái tuyến); Km2+270 (trái tuyến); Km2+533 (trái tuyến); Km2+730 (trái tuyến); Km2+879 (phải tuyến); Km3+971 (trái tuyến); Km4+082 (trái tuyến); Km4+318.70 (trái tuyến), Km5+296 (trái tuyến); km5+307(Phải tuyến); km5+577.97 (phải tuyến) Km7+577.97(trái tuyến); km7+305(phải tuyến) tại các vị trí này thiết kế bổ sung các vị trí đường ngang

Móng rãnh, thân rãnh bằng bê tông M200, mũ mố BTCT M250, bản BTCT M250 lắp ghép, móng đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm.

3.2.6. Bổ sung rãnh đá học xây hình thang.

- Tại lý trình Km0+12.27-Km0+151.45(Trái+phải); Km0+250-Km0+390.83(phải) Km0+600-Km0+700(phải); Km0+668.93-km0+703.70 (phải tuyến); Km0+800-Km0+825 (phải tuyến); Km0+800-km0+840 (trái tuyến); Km2+00-Km2+40 (trái tuyến); km2+540-Km2+642 (trái tuyến); Km2+700-km2+784 (trái tuyến); Km2+853.50-Km3+00 (phải tuyến).

- Tại lý trình Km5+307-Km5+577.52 (phải tuyến); Km5+969-Km5+986(trái tuyến); Km7+135.15-km7+153.97; (phải tuyến); Km7+157.97-Km7+314 (phải tuyến).

Hiện trạng các đoạn trên do chưa có rãnh thoát nước về các vị trí cống khi trời mưa làm ảnh hưởng đến kết cấu nền mặt đường, do vậy đào rãnh đất để thoát nước về các vị trí có cống để ổn định nền mặt đường.

3.2.7. Điều chỉnh rãnh đá học xây thành rãnh hở xây gạch phải tuyến.

Tại lý trình Km1+284-Km1+581.10 (phải tuyến) theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tại vị trí này thiết kế rãnh đá học xây hình thang, hiện tại tại lý trình này người dân đang lát nuwucs phục vụ tưới khgu vực ruộng phía dưới, theo đề nghị của UBND xã Thọ Bình đoạn này thiết kế rãnh hở hình chữ nhật $KĐ=0.5m$, $h=0.8m$ vừa để thoát nước mặt đường và phục vụ tưới tiêu khu vực ruộng của dân..

3.2.8. Bổ sung tường cánh phía nhà dân tại lý trình Km5+965.

Cầu bản khẩu độ 5.40m phần móng cầu bùn nhiều nền đất yếu do vậy đào bỏ lớp đất yếu chiều sâu $h=2.0m$ và gia cố cọc tre phần móng $L=2.5m$, mật độ cọc 25 cọc/m² cầu và sân cầu, phần tường cánh phía nhà dân do sạt lở đất do vậy xây cao đoạn tường cánh BTXM M200 dài 8.30 cao $h=3.2m$ để đảm bảo không bị sạt phía nhà dân.

3.2.9. Điều chỉnh mặt đường đoạn Km7+20.96-Km7+83.74.

Tại lý trình Km7+20.96-Km7+83.74 theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt đoạn này qua Trung tâm xã thiết kế rãnh dọc $KĐ=0,50m$ bằng bê tông có nắp đan. $B_m=3.50m$ $B_n=7.5m$ $B_l=2x2m$. Theo đề nghị của UBND xã Bình sơn đoạn này qua trung tâm xã thiết kế mặt đường $B_m=7.5m$ và bó vỉa hai bên tuyến qua đoạn trung tâm xã.

3.2.10. Điều chỉnh lại rãnh hình thang thành hình vuông tại lý trình Km8+535.11-Km8+596.79

Tại lý trình Km8+535.11-Km8+596.79 theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt đoạn này thiết kế rãnh hình thang bằng đá học xây, thực tế phê trên

taluy dương có nhà dân đang ở do vậy thu hẹp rãnh hình thang thành rãnh hình vuông.

4. Tổng dự toán điều chỉnh, bổ sung.

4.1. Các căn cứ lập dự toán điều chỉnh:

- Vật liệu dùng để thi công lấy thống nhất theo hồ sơ thiết kế BVTC đã được phê duyệt.

- Khối lượng căn cứ vào hồ sơ thiết kế điều chỉnh, biện pháp thi công do Công ty cổ phần Việt Thanh lập.

- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 v/v công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

- Đơn giá xây dựng, lắp đặt, khảo sát, ca máy tính Thanh Hoá công bố kèm theo Quyết định số 3592, 3593, 3595, 3596/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Công bố điều chỉnh đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Quyết định số 1474/QĐ -UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Đơn giá lập dự toán theo giá trúng thầu công trình của Liên danh Công ty Cổ phần Đông Bắc và Công ty Cổ phần Xây dựng Tiến Đạt.

4.2. Tổng dự toán điều chỉnh, bổ sung: 2.872.369.000 đồng.

Trong đó:

- | | |
|------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 2.270.203.000 đồng; |
| - Chi phí QLDA: | 39.027.000 đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 89.315.000 đồng; |
| - Chi phí khác: | 473.824.000 đồng. |

5. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 06/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn.

Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn trình Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh, bổ sung công trình Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Trường Sơn